

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ T,
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 310/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 8 – 2019

V/v ly hôn giữa
chị Mai và P

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám
2. Ông Nguyễn Văn Ngân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bùi Văn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Minh Đông – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phương M – Sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 18/16, An Bình, Phường 5, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn P – Sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 7, ấp Tân Th, xã Tân Tr, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19-3-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phương M trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Sau khi tìm hiểu về tình cảm, năm 2009 chị và anh Nguyễn P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 5, Thành

phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 29-5-2009. Vợ chồng sống bình thường, năm 2011 P tự ý bỏ nhà đi, khoảng một tuần sau không thấy P trở về, chị liên lạc với cha mẹ chồng cho biết P về nhà cha mẹ chồng ở (hiện nay cha mẹ chồng đã chết), chị liên hệ anh chị chồng cho biết P đi làm ở thành phố nhưng không biết địa chỉ, ngày giỗ và ngày tết P có về nhà cha mẹ chồng. Chị đã chờ P trở về, nhưng đã tám năm P không trở về, nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với P. Ngày 24-5-2019 chị Mai có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn là anh Nguyễn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không gửi ý kiến bằng văn bản, nên không có lời khai.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con sinh đôi tên Nguyễn V, Nguyễn Q, sinh cùng ngày 04-9-2009, chị Mai đang nuôi, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu P cấp dưỡng.

- Về chia tài sản và nợ chung: Không có

Theo chị Mai trình bày mâu thuẫn vợ chồng có mẹ ruột tên Châu Q1 và chị chồng (chị ruột P) tên Nguyễn Thị M biết. Tại đơn tường trình và cam kết của bà Châu Q1 được Ủy ban nhân dân Phường 5 chứng thực ngày 06-6-2019, bà Quyên trình bày bà là mẹ ruột của chị Mai, sau hai năm chung sống P bỏ đi cho đến nay không trở về; tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 10-7-2019 chị M cho biết chị là chị ruột của P, vợ chồng Phụng, Mai sống ở Thành phố Hồ Chí Minh và không còn sống chung khoảng mười năm nay, khi Tòa án mời chị có thông báo cho Phụng biết Mai yêu cầu ly hôn, Phụng trả lời Mai muốn làm gì thì làm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật, riêng anh Nguyễn P là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy P chấp hành nghĩa vụ tố tụng dân sự chưa nghiêm. Về nội dung, chị Mai yêu cầu ly hôn P, vợ chồng có thời gian dài ly thân, không hàn gắn; về nuôi con chung, chị Mai đang nuôi hai con và chị yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu P cấp dưỡng. Xét yêu cầu của chị Mai là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Chị Phương M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn P Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân

sự. Chị Mai có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn P (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Mai và P.

[3] Về nội dung:

[4] Hôn nhân của chị Mai và P là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng, P tự ý bỏ đi từ năm 2011 đến nay không trở về, chị Mai có liên hệ nhưng không gặp P, gia đình P cho biết P đi làm ở thành phố nhưng không biết địa chỉ, khi chị Mai khởi kiện yêu cầu ly hôn, P có biết vẫn không gặp chị Mai để hàn gắn vợ chồng trở lại sống chung. Từ đó, cho thấy hôn nhân của chị Mai và P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Mai và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị Mai và P.

[5] Về nuôi con chung: Chị Mai yêu cầu tiếp tục nuôi hai con tên Nguyễn V, Nguyễn Q. Từ lúc P bỏ đi đến nay chị Mai trực tiếp nuôi con có cuộc sống ổn định, hai cháu cũng có nguyện vọng sống với chị Mai, chị không yêu cầu P cấp dưỡng là tự nguyện của chị. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Mai được tiếp tục nuôi cháu Vinh và cháu Quý. Chị Mai không yêu cầu P cấp dưỡng nuôi con, nên P không phải cấp dưỡng.

[6] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình P được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về chia tài sản: Không có, Tòa án không đề cập.

[8] Về nợ chung: Ghi nhận chị Mai xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[9] Về án phí sơ thẩm, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án chị Mai phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phương M và anh Nguyễn P. Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 29-5-2009 của Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao hai con chung sinh đôi tên Nguyễn V, Nguyễn Q, sinh cùng ngày 04-9-2009 cho chị Phương M trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay chị Mai đang nuôi. Anh Nguyễn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Anh Nguyễn P không trực tiếp nuôi con, anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có

Về nợ chung: Ghi nhận chị Mai xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Phương M phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 0005614 ngày 01-4-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú T;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- UBND Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương
